

UNIT 7

	n	Sự rút
	n	Lương hưu
	n	Chứng từ trả lương
	n	Thấu chi
	n	Khoản vay ngân hàng để mua nhà
	n	Tài khoản hiện tại
	n	Ngân phiếu
	n	phí
	n	Tiền phạt
	n	Phí tàu xe
	n	Một Khoản (tiền)
	adj	Thường xuyên, đều đặn
	n	Sự trừng phạt
	v	Trừng phạt
	v	Nghỉ hưu
	adj	Trái pháp luật
	adj	Hợp pháp
	n	Món nợ
	n	Lương
	n	Lương
	v	Thuê
	v	mua
	n	Sự đầu tư
	v	Đầu tư
	n	Máy ATM
	n	Thẻ nợ
	n	Thẻ tín dụng
	v	Nợ
	adj	Riêng tư
	v	Tính phí, sạc pin
	n	Sự so sánh
	v	So sánh
	n	Điều kiện
	n	Vai trò
	n	Chính sách
	n	Mẹo, tiền boa
	n	Số liệu
	v	Chỉ ra, nêu ra
	adj	Quan trọng, then chốt
	n	Phân, khu vực, lĩnh vực
	n	Truyền thông
	n	Định nghĩa
	v	Định nghĩa
	v	Có khuynh hướng
	n	Nhà kinh tế học
	adj	Lâu dài
	v	Xuất phát, bắt nguồn
	v	Miêu tả
	n	Doanh nghiệp
	adj	Đơn lẻ

